

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15a/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27-01-2022

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Kiều Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Hoàng

**Ông Nguyễn Văn Tịnh**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 240/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1985, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 10/01/2022.

**- Bị đơn:** **Anh Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1981, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Anh P đồng ý xét xử vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2021.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Thanh P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã thị trấn G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/9/2009. Trong thời gian chung sống với nhau cũng thường xuyên bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị và Anh P đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay và cả hai cũng không có hàn gắn tình cảm. Nay chị không còn tình cảm với Anh P nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L xác định trong thời gian chung sống chị và Anh Nguyễn Thanh P có 02 con chung tên Nguyễn Huệ T, sinh ngày 28/4/2009 và Nguyễn Mai T, sinh ngày 02/6/2018. Hiện nay hai con đang được chị chăm sóc, chị có nguyện vọng nuôi 02 con chung tên Nguyễn Huệ T, sinh ngày 28/4/2009 và Nguyễn Mai T, sinh ngày 02/6/2018 và không yêu cầu Anh Nguyễn Thanh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định chị và Anh P không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Nguyễn Thanh P trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2021:

Về hôn nhân: Anh và Chị L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/9/2009. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay anh và chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, do cuộc sống hôn nhân hôn nhân không đạt được nên Chị Lyêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh P xác định anh và Chị L có 02 con chung tên Nguyễn Huệ T, sinh ngày 28/4/2009 và Nguyễn Mai T, sinh ngày 02/6/2018. Anh đồng ý giao lại 02 con chung tên Nguyễn Huệ T, sinh ngày 28/4/2009 và Nguyễn Mai T, sinh ngày 02/6/2018 cho Chị L tiếp tục chăm sóc và giáo dục, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và Chị L không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về

phiên tòa sơ thẩm. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị L và Anh Nguyễn Thanh P.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, có hai con chung tên Nguyễn Huệ T, sinh ngày 28/4/2009 và Nguyễn Mai T, sinh ngày 02/6/2018. Giao hai cháu Nguyễn Huệ T, sinh ngày 28/4/2009 và Nguyễn Mai T, sinh ngày 02/6/2018 cho Chị L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị và anh không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với Anh Nguyễn Thanh P, Anh P đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 5, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị L có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và Anh Nguyễn Thanh P cũng đồng ý xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị L và anh P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với Anh Nguyễn Thanh P, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và Anh P xác định chị và anh tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân thị trấn G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/9/2009 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị L và Anh P xác định trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn đã ly thân từ đầu năm 2021, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn tình cảm với nhau nên Chị L yêu cầu ly hôn, Anh P cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị L và Anh Nguyễn Thanh P.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, Chị L và Anh P có hai con chung tên Nguyễn Huệ T, sinh ngày 28/4/2009 và Nguyễn Mai T, sinh ngày 02/6/2018. Chị L và Anh P thống nhất xác định giao hai con chung tên Nguyễn Huệ T, sinh ngày 28/4/2009 và Nguyễn Mai T, sinh ngày 02/6/2018 cho Chị L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị L và Anh P xác định trong thời gian chung sống chị và anh không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L và Anh P xác định trong thời gian chung sống chị và anh không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với Anh Nguyễn Thanh P nên Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 55, khoản 1 Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị L và Anh Nguyễn Thanh P.

**2. Về con chung:** Giao hai cháu Nguyễn Huệ T, sinh ngày 28/4/2009 và Nguyễn Mai T, sinh ngày 02/6/2018 cho Chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**4. Về án phí:** Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Chị Nguyễn Thị L phải chịu. Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001844 ngày 23/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

**5. Bản án được thi hành** theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6. Án xử sơ thẩm công khai,** đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn G;
- Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Phạm Kiều Diễm**